

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-PT
Ngày 20-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Hạnh

Ông Nguyễn Quốc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 61/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng có kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 354/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lâm Tuấn Đ, sinh năm 1972, nơi cư trú: Thôn Tất Xứng, xã An H, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn Hòa Nhất, xã Đặng Cương, huyện, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long (viết tắt là Ngân hàng); địa chỉ trụ sở: Số 40-42 Phạm H Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn Thanh - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Kiên An, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (Văn bản ủy quyền số 48/UQ-KLHP ngày 20 tháng 12 năm 2021); có mặt.

- *Người kháng cáo*: Anh Lâm Tuấn Đ.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lâm Tuấn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với Phạm Thị H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 03 tháng 4 năm 2018. Trước khi đăng ký kết hôn, anh và chị H có quan biết và có tình cảm với nhau từ đầu năm 2016 tại Hà Nội, lúc đó chị H bán quán cơm ở Hà Nội còn anh làm lái xe công tơ nơ. Sau khi chị H sinh cháu Phạm Minh Anh được một thời gian thì anh và chị H về thuê quán bán hàng cơm tại cầu vượt Lương Quán, xã Nam Sơn được một thời gian thì xảy ra tranh chấp với quán bên cạnh nên không bán hàng nữa. Trong thời gian chị H bán hàng tại xã Nam Sơn, anh đi lái xe thỉnh thoảng có qua lại chỗ chị H chứ không chung sống với nhau. Sau khi anh xây nhà xong, chị H và con mới về nhà anh ở được 5 đến 6 tháng thì chị H bỏ nhà và đi thuê nhà bán cơm chỗ khác, từ đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, chị H bỏ nhà đi từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, chị H không chăm lo gia đình, tự ý quyết định việc thuê nhà để bán hàng. Hiện tại vợ chồng sống ly thân gần hai năm nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị H có một con chung là Lâm Phạm Minh Anh sinh ngày 29 tháng 9 năm 2016. Tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải anh có quan điểm được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, anh không đồng ý để chị H nuôi con. Tại phiên tòa, anh Đ thay đổi quan điểm đồng ý để chị H nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống anh và chị H không có tài sản chung. Việc chị H khai vợ chồng có tài sản chung là ngôi nhà, công trình xây dựng, cây cối trên diện tích đất 431m² thuộc thửa đất số 158 tờ bản đồ số 07 tại thôn Tất Xứng, xã An H, huyện AD, thành phố Hải Phòng và tài sản sinh hoạt mà anh đang quản lý sử dụng là không đúng, vì đây là tài sản riêng của anh. Diện tích đất 431m² có nguồn gốc là do bố mẹ anh để lại cho anh và anh đã được Ủy ban nhân dân huyện AD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2019. Trên diện tích đất 431m² anh xây một ngôi nhà cùng một số công trình xây dựng khác vào đầu năm 2018 và hoàn thiện vào cuối năm. Ngôi nhà này là tiền thu nhập riêng của anh và tiền anh đi vay riêng để xây, chị H không có đóng góp vào việc xây ngôi nhà trên và sau khi quyết toán công thợ anh phải trả số tiền là 1.100.000.000 đồng. Trước khi xây nhà anh có tiền mặt khoảng 150.000.000 đồng, trong thời gian xây nhà thì dùng tiền thu nhập của anh, tiền anh vay của Công ty tài chính HD Sài Gòn

69.000.000 đồng, vay của em gái chị H 200.000.000 đồng, vay của cháu anh là Bùi Đình Thế 150.000.000 đồng để trả tiền xây nhà còn thu nhập của chị H bao nhiêu anh không biết và cũng không sử dụng để xây nhà.

Do còn nợ tiền xây nhà nên đến ngày 20 tháng 3 năm 2020 anh và chị H đã ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng để trả tiền xây nhà. Để đảm bảo cho khoản vay này anh đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20 tháng 3 năm 2021 với Ngân hàng để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 431m². Số tiền vay Ngân hàng 600.000.000 đồng anh đã trả em gái chị H 200.000.000 đồng, trả anh Thế 150.000.000 đồng, trả tiền vật liệu, tiền công xây nhà còn nợ và mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Những khoản nợ này đều do anh chịu trách nhiệm trả riêng chứ chị H không có trách nhiệm gì. Ngôi nhà và công trình xây dựng, cây cối trên diện tích đất 431m² cùng những tài sản sinh hoạt mà Tòa án đã xem xét thẩm định ngày 14 tháng 5 năm 2021 đều là tài sản riêng của anh, vì nguồn tiền xây nhà và mua sắm tài sản là tiền riêng của anh, chị H không đóng góp cùng anh để tạo dựng lên tài sản này nên đây không phải là tài sản chung của vợ chồng anh và anh không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của chị H đưa ra. Đối với xe mô tô SH biển kiểm soát 15B2.774.83 đăng ký chủ sở hữu là anh và hiện chị H đang quản lý sử dụng cũng là tài sản riêng anh mua trước khi kết hôn, nay anh không yêu cầu giải quyết vì chị H đã đồng ý trả lại cho anh.

Đối với khoản vay tại Ngân hàng, từ khi vay đến nay anh là người chịu trách nhiệm trả tiền nợ hàng tháng cho Ngân hàng, chị H không trả và cũng không đóng góp tiền cùng với anh trả nợ Ngân hàng. Đây là tiền anh vay riêng để trả nợ tiền xây nhà, lý do chị H cùng ký vào hợp đồng tín dụng để vay tiền là do anh và chị H vẫn đang là vợ chồng hợp pháp nên khi vay vốn phải hai vợ chồng ký thì Ngân hàng mới cho vay. Kể từ khi được giải ngân vào ngày 21 tháng 3 năm 2021 cho đến nay anh đã trả Ngân hàng số tiền là 169.264.246 đồng, gồm tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 89.264.246 đồng. Đến ngày 09 tháng 8 năm 2021 anh còn nợ Ngân hàng số tiền là 524.214.494 đồng, trong đó tiền gốc là 520.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 4.214.494 đồng.

Nhà, đất và tài sản sinh hoạt là tài sản riêng của anh nên anh không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của chị H đưa ra và anh sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm riêng để trả nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, anh cũng không yêu cầu chị H phải trả lại anh 1/2 số tiền anh đã trả Ngân hàng trong thời gian qua. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị H thì anh đề nghị Tòa án giao nhà và tài sản sinh hoạt cho anh sử dụng, anh sẽ trả tiền chênh lệch chia tài sản cho chị H theo quy định của pháp luật và anh yêu cầu chị H phải trả lại anh 1/2 số tiền nợ anh đã trả Ngân hàng. Còn số nợ còn lại là 524.214.494 đồng, anh và chị H phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng mỗi người một nửa và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp nếu anh không trả được nợ cho Ngân hàng thì anh đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng. Chị H yêu cầu chia tài sản phải có căn cứ chứng minh là tài sản chung thì mới được chia.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2015 tại Hà Nội, thời gian này anh Đ làm lái xe công te nơ còn chị bán quán cơm, sau đó chị có thai cháu Lâm Phạm Minh Anh với anh Đ. Sau khi sinh con chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xã An Đồng ở một thời gian và đến tháng 4 năm 2017 thì chị và anh Đ bàn bạc thuê nhà tại thôn Lương Quán, xã Nam Sơn để chị bán hàng. Sau khi thuê được nhà để bán hàng thì chị và con chuyển ra ở tại quán bán hàng, anh Đ đi làm và về ở với chị tại quán, thời gian chị và con ở nhà bố mẹ đẻ thì anh Đ cũng qua lại ở cùng với chị. Do thời gian này anh Đ vẫn có quan hệ hôn nhân với người khác nên chị và anh Đ không đăng ký kết hôn được. Sau khi anh Đ ly hôn vào tháng 11 năm 2017 thì chị và con chuyển về nhà của bố mẹ anh Đ tại thôn Tất Xứng, xã An H ở, đến ngày 03 tháng 4 năm 2018 chị và anh Đ mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Việc chị và anh Đ chung sống với nhau và đăng ký kết hôn là do hai bên tự nguyện. Quá trình chung sống, chị và anh Đ chung sống vui vẻ hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Đ có quan hệ ngoại tình với người khác và khi xây nhà xong thì anh Đ không cho chị bán hàng mà yêu cầu chị về nhà trông coi nhà cửa nhưng chị không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2020 cho đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xác định tình vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng không thể khắc phục được nên chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung là Lâm Phạm Minh Anh như anh Đ trình bày. Ly hôn chị có quan điểm được nuôi con và chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa chị thay đổi quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Việc anh Đ khai vợ chồng không có tài sản chung là không đúng. Trong quá trình chung sống với nhau chị và anh Đ có tạo dựng được khối tài sản chung là căn nhà xây năm 2018 cùng công trình xây dựng khác, cây cối trên diện tích đất 431m² và một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong nhà như Tòa án đã xem xét thẩm định ngày 14 tháng 5 năm 2021. Cụ thể, sau khi anh Đ ly hôn vào tháng 11 năm 2017 thì đến tháng 12 năm 2017 chị và con về ở trên nhà đất của bố mẹ anh Đ tại thôn Tất Xứng, xã An H, thời gian này chị vẫn bán hàng tại thôn Lương Quán nhưng tối lại về nhà và ở được khoảng 4 đến 5 tháng thì vợ chồng bàn bạc xây nhà trên diện tích đất 431m² (đất của bố mẹ anh Đ cho anh Đ), đến đầu năm 2018 (khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch) thì thuê thợ làm nhà và đến đầu năm 2019 làm xong nhà và các công trình phụ diện tích đất 431m² nói trên. Trong thời gian xây nhà chị vẫn bán quán cơm tại thôn Lương Quán, anh Đ vẫn đi làm lái xe, việc xây nhà do anh Đ thuê chủ thầu xây dựng, chị và anh Đ chỉ thỉnh thoảng về nhà khi trả tiền nguyên vật liệu hoặc trả tiền công. Tiền xây nhà và mua sắm các vật dụng trong gia đình hết khoảng 1,5 tỷ đồng, trước lúc xây nhà thì vợ chồng đã có tiền mặt khoảng từ 500 triệu đến 600 triệu đồng (là tiền thu nhập của chị và anh Đ) và trong quá trình làm nhà thì trả dần bằng tiền thu nhập của vợ chồng, tiền vay của

em gái chị 200.000.000 đồng, tiền anh Đ vay của Công ty Tài chính HD Sài Gòn 69.000.000đồng. Từ khi về chung sống với nhau thì thu nhập hàng tháng của anh Đ khoảng từ 15 đến 20 triệu đồng còn thu nhập của chị từ việc bán hàng từ 30 đến 40 triệu đồng. Tiền xây nhà, mua sắm vật dụng trong gia đình có lúc anh Đ trả hoặc anh Đ đưa tiền cho chị chi tiêu và chị cũng dùng thu nhập của mình để trả tiền xây nhà, mua sắm tài sản sinh hoạt và chi tiêu hàng ngày cho gia đình.

Sau khi xây nhà xong thì chị còn nợ tiền xây nhà khoảng từ 300 triệu đến 350 triệu đồng nên chị và anh Đ đã ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 600.000.000 đồng của Ngân hàng như lời trình bày của anh Đ. Số tiền vay trên do anh Đ quản lý sử dụng và chỉ trả nợ khoảng 350.000.000 đồng còn lại anh Đ quản lý sử dụng riêng. Nay chị yêu cầu Tòa án chia đôi trị giá ngôi nhà và các tài sản sinh hoạt (trừ những tài sản mà anh Đ mua năm 2021 gồm bộ đỉnh đồng, máy rửa xe tăng áp, bộ mắt camera, máy lọc nước) cho chị và anh Đ mỗi người được 1/2 theo giá trị định giá của Hội đồng định giá và chị đề nghị Tòa án giao nhà cùng tài sản sinh hoạt cho anh Đ quản lý sử dụng, anh Đ có trách nhiệm trả chị 1/2 giá trị tài sản chung này. Đối với tài sản sinh hoạt gồm 02 bộ mắt camera, 01 máy rửa xe, 01 máy lọc nước, 01 bộ đỉnh đồng và xe máy Sh biển kiểm soát 15B2.77.483 là tài sản riêng của anh Đ, số cây cối trên diện tích đất 431m² do vợ cH trồng sau khi xây nhà xong nhưng chị không yêu cầu chia những tài sản này, xe máy SH biển kiểm soát 15B2.774.83 hiện chị đang sử dụng chị sẽ trả lại anh Đ.

Về nợ chung: Số tiền vay 600.000.000 đồng của Ngân hàng thì chị sử dụng 350.000.000 đồng vào việc trả nợ tiền xây nhà (trả em gái chị 200.000.000 đồng còn lại là trả tiền công và tiền nguyên vật liệu) còn lại 250.000.000 đồng anh Đ sử dụng vào việc riêng nên chị chỉ đồng ý cùng anh Đ trả Ngân hàng số tiền gốc là 350.000.000 đồng, cụ thể chị và anh Đ mỗi người trả Ngân hàng là 175.000.000 đồng còn 250.000.000 đồng tiền gốc thì anh Đ phải tự trả riêng cho Ngân hàng. Số tiền anh Đ đã trả Ngân hàng 169.264.246 đồng (gồm tiền gốc 80.000.000 đồng tiền lãi 89.264.246 đồng) chị sẽ trả lại anh Đ 1/2 số tiền trên là 84.632.123 đồng (gồm tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 44.632.123 đồng). Như vậy, số tiền nợ gốc chị còn phải trả Ngân hàng là 175.000.000 đồng – 40.000 đồng = 135.000.000 đồng. Nay Ngân hàng có yêu cầu chị và anh Đ trả nợ trước hạn chị đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng. Do anh Đ sử dụng nhà và tài sản sinh hoạt nên chị đề nghị Tòa án buộc anh Đ có trách nhiệm trả toàn bộ tiền nợ còn lại cho Ngân hàng (trong đó có nghĩa vụ trả nợ của chị cho Ngân hàng là 135.000.000 đồng). Và số tiền chị phải trả Ngân hàng 135.000.000 đồng và trả anh Đ 84.632.123 đồng, nay chị đề nghị trừ vào số tiền chia tài sản chung mà anh Đ phải trả chị, số tiền còn lại bao nhiêu thì anh Đ phải trả lại cho chị.

Tại bản khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Kiên Long do người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Hương trình bày:

Ngày 20 tháng 03 năm 2020, anh Lâm Tuấn Đ và chị Phạm Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng từng lần số 167/20/HĐTD/1404-2983 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng để vay số tiền là 600.000.000 đồng với mục đích để trả tiền

xây nhà. Thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất 12,1%/năm áp dụng đối với các khế ước giải ngân trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này. Các khế ước nhận nợ giải ngân sau thời gian này, lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân cộng (+) biên độ 4,1%/năm và không thấp hơn lãi suất vay tối thiểu hiện hành của Biểu lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi suất vay được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả 10%/năm. Hình thức thanh toán: Gốc, lãi trả hàng tháng.

Tài sản thế chấp cho khoản vay trên là giá trị quyền sử dụng 431m² đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 158 tờ bản đồ số 07 tại địa chỉ thôn Tất Xung, xã An H, huyện AD, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 769623 số vào sổ cấp GCN: CH00197 do UBND huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp ngày 25 tháng 9 năm 2019 cho anh Lâm Tuấn Đ. Việc thế chấp trên được anh Đ và Ngân hàng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 167/20/HĐTC-BĐS/1404-2983 ngày 20 tháng 3 năm 2020 (viết tắt là Hợp đồng thế chấp) được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20 tháng 3 năm 2020. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng đã giải ngân cho anh Đ và chị H vay số tiền 600.000.000 đồng tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 167.1/KUNN ngày 21 tháng 3 năm 2020 để trả tiền xây căn nhà mà anh Đ và chị H đang tranh chấp trong vụ án này. Tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2021 anh Đ là người trả nợ cho Ngân hàng và đến ngày xét xử khoản vay của anh Đ và chị H chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2021 anh ông đã trả được cho Ngân hàng số tiền là 169.264.246 đồng (gồm tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 89.264.246 đồng) và còn nợ số tiền là 524.214.494 đồng, trong đó: tiền gốc 520.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 4.214.494 đồng.

Hiện nay anh Đ và chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm đang thế chấp tại Ngân hàng, theo quy định tại **mục g, h** khoản 1 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng khi có tranh chấp phát sinh từ tài sản thế chấp thì Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu anh Lâm Tuấn Đ và chị Phạm Thị H phải thanh toán toàn bộ nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2021 là 524.214.494 đồng, trong đó: tiền gốc là 520.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.214.494 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trong trường hợp anh Lâm Tuấn Đ và chị Phạm Thị H không thực hiện trả nợ toàn bộ khoản vay hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tại Bản án số 61/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39, 317, 318, 319, 320, khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự; các điều 33, 37, 51, 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 7 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; khoản 14 Điều 4; các điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 3 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 6, điểm đ Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn cho anh Lâm Tuấn Đ và chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Lâm Tuấn Đ và chị Phạm Thị H, giao con chung Lâm Phạm Minh Anh sinh ngày 29 tháng 9 năm 2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Lâm Tuấn Đ và chị Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị H. Giao cho anh Lâm Tuấn Đ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trên diện tích đất 431m² thuộc số thửa 158 tờ bản đồ số 07, thôn Tất Xứng, xã An H, huyện AD, thành phố Hải Phòng và tài sản sinh hoạt gồm: Bộ bàn ghế xa lông gồm 01 bàn, 01 đôn, 01 ghế đôi và 02 ghế đơn bằng gỗ xoan đào; 02 tủ đứng 3 buồng gỗ xoan đào; 01 giường đôi gỗ xoan đào kích thước 1,9m x 2,2m; 01 giường đôi gỗ xoan đào kích thước 1,5m x 2m; 01 tủ giày gỗ xoan đào kích thước 1,2m x 1,0m; 01 bộ bàn ăn gỗ lim Nam Phi gồm 01 bàn và 06 ghế đơn; 01 kệ ti vi gỗ xoan đào; 01 ti vi nhãn hiệu Samsung 55 inch; 01 tủ lạnh Panasonic; 01 giàn loa Karaoke gồm 01 cục đẩy, 01 trầm, 01 âm ly, lao đứng và 02 lao BMB; 01 bàn thờ gỗ gụ; 01 quạt trần nhãn hiệu Panasonic 5 cánh; 01 máy giặt LG cửa ngang và 01 tủ đứng hai buồng gỗ ô can với tổng trị giá là 1.413.280.885 đồng (Một tỷ bốn trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng).

Buộc anh Lâm Tuấn Đ phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị H tiền chia tài sản chung là 359.901.072 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu chín trăm linh một nghìn không trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là chị Phạm Thị H cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án là anh Lâm Tuấn Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án đối với chị Phạm Thị H theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long: Buộc anh Lâm Tuấn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 167/20/HĐTD/1404-2983 ngày 20 tháng 3 năm 2020 tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2021 là 524.214.494 đồng (Năm trăm hai mươi tư triệu hai trăm mười bốn nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng), trong đó nợ gốc 520.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn 4.214.494 đồng.

Kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021 anh Lâm Tuấn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Lâm Tuấn Đ không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 167/20/HĐTC-BDS/1404-2983 ngày 20 tháng 3 năm 2021 đã ký giữa anh Lâm Tuấn Đ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng diện tích đất và toàn bộ tài sản gắn liền với diện đất 431m² thuộc thửa đất số 158 tờ bản đồ số 07 tại thôn Tất Xứng, xã An H, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Số tiền phát mại từ tài sản thế chấp thu được sau khi thanh toán nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp anh Lâm Tuấn Đ, nếu thiếu anh Lâm Tuấn Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long cho đến khi trả xong nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 8 năm 2021 anh Lâm Tuấn Đ có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần tài sản với lý do:

Số tiền anh xây dựng căn nhà có một khoản nợ trên 500 triệu đồng do vợ anh cùng ký vay nợ. Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi tài sản nhưng số nợ lại chuyển sang cho anh là người phải trả nợ cả gốc và lãi là không hợp lý. Anh yêu cầu Tòa án chia đôi khoản tiền lãi. Những tài sản anh sắm sửa phục vụ sinh hoạt gia đình anh vẫn còn vay nợ chưa trả hết nợ mà cộng vào chia đôi là không có căn cứ.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021 Viện Kiểm sát nhân dân huyện AD có Quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-HNGĐ đề nghị hủy một phần Bản án sơ thẩm của Tòa án huyện AD, cụ thể:

+ Tòa án không thụ lý yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Kiên Long về số tiền anh Đ, chị H vay Ngân hàng nhưng vẫn giải quyết yêu cầu của Ngân hàng đối với khoản nợ đó và tuyên anh Đ phải trả Ngân hàng số tiền tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2021 là 524.214.494 đồng, đồng thời tuyên quyền phát mại tài sản thế

chấp trong trường hợp anh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự, vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nhưng Tòa án không đình chỉ đối với nội dung này là vi phạm khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về án phí: Tòa án tuyên anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn là chưa đúng hướng dẫn số 02 ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Tòa án tối cao. Trường hợp này mỗi bên chỉ phải chịu 25% mức án phí quy định. Tòa án tuyên án phí đối với nghĩa vụ trả ngân hàng của anh Đ là 13.105.000 đồng là chưa đúng quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326. Đồng thời, Tòa án tuyên chị H phải chịu án phí đối với khoản tiền trả lại cho anh Đ là 4.231.000 đồng là không đúng mà chị H phải chịu án phí đối với số tiền được hưởng sau khi trừ khoản tiền phải trả anh Đ. Việc Tòa án tuyên như trên là ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng giữ nguyên quan điểm kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện AD. Cụ thể:**

Tòa án không thụ lý yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Kiên Long nhưng vẫn giải quyết yêu cầu của Ngân hàng đối với khoản nợ anh Đ, chị H vay là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự, vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nhưng Tòa án không đình chỉ đối với nội dung này là vi phạm khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tuyên anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn là chưa đúng hướng dẫn số 02 ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Tòa án tối cao. Trường hợp này mỗi bên chỉ phải chịu 25% mức án phí quy định. Tòa án tuyên chị H phải chịu án phí đối với khoản tiền trả lại cho anh Đ là 4.231.000 đồng là không đúng mà chị H phải chịu án phí đối với số tiền được hưởng sau khi trừ khoản tiền phải trả anh Đ. Việc Tòa án tuyên như trên là ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa, các đương sự không đề nghị hủy bản án sơ thẩm, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện AD nhưng không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh Lâm Tuấn Đ, chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện AD, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Đ kháng cáo bản án sơ thẩm và Viện Kiểm sát nhân dân huyện AD kháng nghị. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm vụ án.

- *Về nội dung:* Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng:

[2] Về yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Kiên Long: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 04 tháng 02 năm 2021, Ngân hàng TMCP Kiên Long có văn bản yêu cầu anh Lâm Tuấn Đ và chị Phạm Thị H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng tính đến thời điểm yêu cầu, theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Trường hợp anh Đ, chị H không thanh toán được khoản nợ thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Yêu cầu trên của Ngân hàng được đưa ra trước thời điểm mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi Ngân hàng có văn bản yêu cầu thanh toán nợ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không làm thủ tục yêu cầu Ngân hàng nộp tiền tạm ứng án phí là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Như vậy chị H thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Tại thời điểm giải quyết vụ án, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng sau này chị H vẫn có quyền yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó trường hợp này cần căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H đối với anh Đ.

[4] Về án phí yêu cầu xin ly hôn: Anh Đ và chị H đều thuận tình ly hôn. Theo hướng dẫn tại Công văn số 02 ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Tòa án tối cao thì khi đương sự đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn, các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định). Trong các bản tự khai và biên bản hòa giải cũng không có nội dung thể hiện anh Đ xin chịu toàn bộ án phí ly hôn. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Đ chịu 300.000 đồng án phí ly hôn là không đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí chia tài sản chung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Lâm Tuấn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí chia tài sản chung với số tiền được chia là 444.533.195 đồng và án phí đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 262.107.247 đồng; chị H phải chịu án phí chia tài sản chung với số tiền được chia là 444.533.195 đồng, án phí đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 262.107.247 đồng là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H phải chịu án phí đối với số tiền 84.632.123 đồng trả cho anh Đ là không đúng, vì khoản tiền này nằm trong số tiền được chia mà chị H đã phải chịu án phí.

[6] Như vậy, nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng đối với thủ tục yêu cầu độc lập, phân án ly hôn và án phí đối với khoản tiền trả lại cho anh Đ là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm như yêu cầu của Viện Kiểm sát nhân dân huyện AD, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên cũng đảm bảo được quyền lợi của các đương sự trong vụ án và đúng quy định của pháp luật.

[7] Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Lâm Tuấn Đ: Việc Tòa án cấp sơ thẩm phân chia tài sản theo hướng giao toàn bộ nhà và đất cho anh Đ sử dụng, anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị H bằng tiền là có căn cứ, phù hợp với thực tế và điều kiện, hoàn cảnh mỗi bên. Bởi lẽ, toàn bộ nhà, đất và các tài sản vật dụng là tài sản chung của vợ chồng anh Đ đã được hưởng. Việc anh Đ khai toàn bộ tài sản do anh bỏ tiền ra mua sắm, chị H không có đóng góp về tài chính cùng anh để xây nhà và mua sắm tài sản sinh hoạt, thu nhập của chị H anh không được biết và không sử dụng là không có căn cứ chấp nhận. Trong thời gian chung sống và tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp thì chị H là người chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, bản thân chị H cũng có công việc và thu nhập. Anh cũng không có tài liệu chứng minh là tài sản riêng của anh. Hiện chị H đang nuôi con nhỏ, đang đi thuê nhà. Đối với khoản nợ của Ngân hàng, Tòa án cấp sơ thẩm trừ vào giá trị tài sản chung, phần còn lại mới chia là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi khoản tiền trả lãi anh Đ đã trả và chia đôi khoản nợ gốc và lãi còn lại là có căn cứ và phù hợp. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Lâm Tuấn Đ.

[8] Từ phân tích nêu trên, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án theo hướng phân tích nêu trên.

[9] Về án phí dân sự: Do bản án bị sửa nên nguyên đơn anh Lâm Tuấn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39, 317, 318, 319, 320, khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 33, 37, 51, 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 7 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-

VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 14 Điều 4; các điều 90, 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 3 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Điều 6, điểm đ Điều 12, Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Lâm Tuấn Đ, sửa Bản án sơ thẩm:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn cho anh Lâm Tuấn Đ và chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Lâm Tuấn Đ và chị Phạm Thị H, giao con chung Lâm Phạm Minh Anh sinh ngày 29 tháng 9 năm 2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con giữa chị Phạm Thị H đối với anh Lâm Tuấn Đ.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị H. Giao cho anh Lâm Tuấn Đ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trên diện tích đất 431m² thuộc số thửa 158 tờ bản đồ số 07, thôn Tất Xứng, xã An H, huyện AD, thành phố Hải Phòng và tài sản sinh hoạt gồm: Bộ bàn ghế xa lông gồm 01 bàn, 01 đôn, 01 ghế đôi và 02 ghế đơn bằng gỗ xoan đào; 02 tủ đứng 3 buồng gỗ xoan đào; 01 giường đôi gỗ xoan đào kích thước 1,9m x 2,2m; 01 giường đôi gỗ xoan đào kích thước 1,5m x 2m; 01 tủ giày gỗ xoan đào kích thước 1,2m x 1,0m; 01 bộ bàn ăn gỗ lim Nam phi gồm 01 bàn và 06 ghế đơn; 01 kệ ti vi gỗ xoan đào; 01 ti vi nhãn hiệu Samsung 55 inch; 01 tủ lạnh Panasonic; 01 giàn loa Karaoke gồm 01 cục đẩy, 01 trầm, 01 âm ly, lao đứng và 02 lao BMB; 01 bàn thờ gỗ gụ; 01 quạt trần nhãn hiệu Panasonic 5 cánh; 01 máy giặt LG cửa ngang và 01 tủ đứng hai buồng gỗ ô can với tổng trị giá là 1.413.280.885 đồng (Một tỷ bốn trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng).

Buộc anh Lâm Tuấn Đ phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị H tiền chia tài sản chung là 359.901.072 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu chín trăm linh một nghìn không trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là chị Phạm Thị H cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án là anh Lâm Tuấn Đ

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án đối với chị Phạm Thị H theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long: Buộc anh Lâm Tuấn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 167/20/HĐTD/1404-2983 ngày 20 tháng 3 năm 2020 tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2021 là 524.214.494 đồng (Năm trăm hai mươi tư triệu hai trăm mười bốn nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng), trong đó nợ gốc 520.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn 4.214.494 đồng.

Kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021 anh Lâm Tuấn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Lâm Tuấn Đ không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 167/20/HĐTC-BDS/1404-2983 ngày 20 tháng 3 năm 2021 đã ký giữa anh Lâm Tuấn Đ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng diện tích đất và toàn bộ tài sản gắn liền với diện đất 431m² thuộc thửa đất số 158 tờ bản đồ số 07 tại thôn Tất Xứng, xã An H, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

5. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lâm Tuấn Đ phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 21.781.000 đồng án phí chia tài sản và 13.105.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, tổng cộng anh Đ phải chịu 34.961.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012801 ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện AD, thành phố Hải Phòng, nay anh Đ còn phải nộp số tiền 34.661.000 (ba mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

Chị Phạm Thị H phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 21.781.000 đồng án phí chia tài sản chung, 13.105.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, tổng cộng chị H phải chịu 34.961.000 đồng tiền án phí để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 23.250.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013005 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AD, thành phố Hải Phòng, nay chị H còn phải nộp số tiền 11.711.000 (mười một triệu bảy trăm mười một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lâm Tuấn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh Lâm Tuấn Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019677 ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện AD, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện AD;
- Chi cục THADS huyện AD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thị Thúy Hà